**BÀI 6: HÀNH TRÌNH TRI THỨC**

**(Nghị luận văn học)**

**Thời gian thực hiện: 13tiết**

**I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Về năng lực:**

- Nhận biết và chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống; chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

- Nhận biết được đặt điểm và chức năng liên kết trong văn bản.

- Xác định được mục đích và nội dung chính của VB.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lĩ lẽ, bằng chứng thuyết phục. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

**2. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV Ngữ văn 7 (tập 2).

- Một số tranh, ảnh liên quan đến bài học

- Máy tính, ti vi chiếu tranh ảnh, trích đoạn phim.

Linkvideo:<https://www.youtube.com/watch?v=lWcxRCWtdBc&ab_channel=Baby%27sDream>

- Bảng phụ để trình bày kết quả hoạt động nhóm.

- Phiếu học tập.

- Bảng kiểm, rubric chấm đoạn văn, bài trình bày của học sinh.

- Giấy A1, sơ đồ, biểu bảng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết: 73,74**

1. **DẠY ĐỌC HIỂU**

**VĂN BẢN 1- : TỰ HỌC- MỘT THÚ VUI BỔ ÍCH**

**( Theo Nguyễn Hiến Lê)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV tổ chức trò chơi *“Ai là nhà thông thái?”*:  \*Câu hỏi: Các hình ảnh và dữ liệu sau gợi nhắc đến những nhân vật nổi tiếng nào trong lịch sử Việt Nam.    Ảnh 2  Ảnh 4  **Ảnh 1:** Đây là hình ảnhtrạng nguyên nổi tiếng nhất trong lịch sử về câu chuyện tự học. Nhà nghèo, ban ngày thường phải đi kiếm củi, thường đứng ngoài lén xem thầy đồ dạy học. Khi được nhận vào lớp, ban ngày đi kiếm củi; ban đêm, được tới lớp học. Không có đèn, bắt đom đóm vào vỏ trứng lấy ánh sáng để học; không có giấy, dùng lá để viết => Nhờ sự nỗ lực, đỗ trạng nguyên, được phong làm “Trạng nguyên lưỡng quốc”.  **Ảnh 2:** Câu chuyện về một người thầy liệt cả 2 tay, không thể đến trường. Ông đã tự học và quyết tâm tập viết bằng hai chân. Cuối cùng, bằng sự nỗ lực, ông cũng được đến lớp, học rất giỏi. Có thể viết, vẽ bằng chân rất đẹp. Được phong danh hiệu “Nhà giáo ưu tú”.  **Ảnh 3:** Đây là vị trạng nguyên đầu tiên và nhỏ tuổi nhất của nước ta. Cuộc sống thuở nhỏ khó khăn, cha mất sớm, sống cùng mẹ trong một ngôi chùa. Ông thông minh, tìm tòi, học hỏi, thường lân la đến các lớp học trong làng nghe lén, mở rộng hiểu biết. Được mệnh danh là thần đồng. Tròn 12 tuổi, ông đỗ trạng nguyên và trở thành trạng nguyên nhỏ tuổi nhất.  **Ảnh 4:** Đây là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Trong những năm tháng bôn ba ở nước ngoài, dù làm phụ bếp vất vả nhưng đều tranh thủ tự học. Đến thư viện đọc sách hoặc đến nghe những buổi nói chuyện để trau dồi thêm kiến thức. Tối đến tham gia các buổi mittinG để làm quen các nhà hoạt động chính trị và nâng cao trình độ hiểu biết.  - Các nhân vật trên đều là những tấm gương nổi tiếng về tinh thần tự học. Vậy theo em, việc tự học đem lại lợi ích gì cho chúng ta?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ và trả lời. * GV động viên, khuyến khích HS.   **Bước 3: Báo cáo kết quả**   * **Câu hỏi 1:**   + Ảnh 1: Mạc Đĩnh Chi  + Ảnh 2: Nguyễn Ngọc Kí  + Ảnh 3: Nguyễn Hiền  + Ảnh 4: Hồ Chí Minh   * Câu hỏi 2: Tự học giúp người học hiểu sâu, mở rộng, củng cố và ghi nhớ bài học một cách vững chắc nhờ vào khả năng tự phân tích, tổng hợp tài liệu, từ đó có khả năng vận dụng các tri thức đã học vào việc giải quyết những nhiệm vụ học tập mới.   **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **GV dẫn vào bài:**  *Trong hành trình khám phá tri thức, hoạt động tự học là một hoạt động không thể thiếu. Nó giúp người học hiểu sâu, mở rộng, củng cố và ghi nhớ bài học một cách vững chắc. Vậy việc tự học có gì thú vị? Để hiểu được điều đó, chúng ta cùng đi tìm hiểu văn bản nghị luận: “Tự học – một thú vui bổ ích” của tác giả Nguyễn Hiến Lê.* | | - HS xem chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân. |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP 01**  **ĐẶC ĐIỂM VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG** | | | **Văn bản nghị luận** | **Nội dung** | | 1. *Khái niệm* | ………………………………………… | |  |  | | 1. *Đặc điểm* | ………………………………………… |  |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HT 02: Tìm hiểu khái quát tác giả và văn bản**  **Đọc văn bản *Tự học – một thú vui bổ ích***  **và trả lời các câu hỏi sau:** | | | **Câu hỏi tìm ý** | **Trả lời** | | - Nêu những hiểu biết về tác giả Nguyễn Hiến Lê | ................................................................................  ................................................................................ | | - Nêu xuất xứ của văn bản. | ................................................................................  ................................................................................ | | - Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính của văn bản. | ................................................................................  ................................................................................ | | -  Đề tài của văn bản là gì? Em dựa vào đâu để xác định điều đó? | ................................................................................  ................................................................................ | | -Nêu bố cục của văn bản. | ................................................................................  ................................................................................ | | | |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thực hiện báo cáo phiếu học tập 01 tại lớp  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  -  GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện 1 số HS trả lời.  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV chuẩn hoá kiến thức.  **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 02:**  **+** *Nêu tác giả và xuất xứ của văn bản***.**  *+ Nêu thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản*  + *Xác định đề tài của văn bản. Em dựa vào đâu để xác định điều đó?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB – Giải thích một vài chú thích SGK.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  -GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS.  - Chuẩn kiến thức.  GV hướng dẫn HS đọc VB:  + Đọc kĩ từng phần của văn bản:  đọc to, rõ ràng, chú ý các chỉ dẫn trong bên tuyến phải trang sách – chủ yếu kĩ năng theo dõi, suy luận.  - GV đọc mẫu một đoạn rồi gọi 1 vài HS khác đọc theo đoạn.  **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  **NV1: Tìm hiểu mục đích; các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:** HĐ cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ sau:  -Văn bản trên được viết nhằm mục đích gì?  - Xác định ý kiến, lĩ lẽ, bằng chứng trong văn bản và hoàn thành phiếu học tập 03.  **PHIẾU HỌC TẬP 03**  **Em hãy chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản dựa vào sơ đồ sau:**  **Bước 2:** **HS thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận theo cặp đôi.  **Bước 3*:* Báo cáo kết quả**  Đại diện 1 cặp đôi báo cáo  Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** **GV nhận xét, chuẩn kiến thức**  **NV2: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ Theo nhóm 2 bàn (kĩ thuật khăn trải bàn), thảo luận trả lời các câu hỏi:  -Nhận xét về thái độ của tác giả với vấn đề nêu ra?  -Nhận xét các lí lẽ, dẫn chứng tác giả đưa ra trong văn bản?  -Nhận xét việc sắp xếp các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản? Mối quan hệ của nghệ thuật lập luận với mục đích của văn bản?  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trao đổi,thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -GV gọi một số nhóm chia sẻ, trình bày kết quả.  - Nhóm khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận.**  **Hoạt động 4: Tổng kết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS thảo luận theo cặp bàn, ghi ý kiến của nhóm mình, với yêu cầu:  *1) Nhận xét những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của VB.*  *2) Rút ra cách đọc một VB nghị luận về một vấn đề đời sống.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm HS đọc kĩ VB, lần lượt thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.  - GV theo dõi, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện từng nhóm HS trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), chốt kiến thức, chuyển sang phần luyện tập, vận dụng. | **I.Tìm hiểu chung:**  **1. Kiến thức Ngữ văn về văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống**  **a. Khái niệm**  Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống được viết ra để bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, hay một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người  **b. Đặc điểm**  - Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng cần bàn luận.  - Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận.  - Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  **2. Tác giả:** Nguyễn Hiến Lê  + (1912 – 1984), quê ở tỉnh Sơn Tây (nay thuộc Ba Vì, Hà Nội)  + Ông là một tác giả, dịch giả, nhà giáo dục, nhà văn hóa với nhiều tác phẩm sáng tác, biên soạn và dịch thuật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.  + Một số tác phẩm tiêu biểu: *Kim chỉ nam cho học sinh* (1951), *Nghệ thuật nói trước công chúng* (1953), *Tương lai trong tay ta* (1962), *Hương sắc trong vườn văn* (1962),...  **3. Tác phẩm:**  **a. Đọc, tìm hiểu từ khó**  ***b.******Xuất xứ:*** In trong *Tự học – một nhu cầu*  *thời đại,* NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2007  **c. *Thể loại*:** Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống  **d.** ***Phương thức biểu đạt chính****:* Nghị luận  **e. Đề tài:***Tự học là một thú vui bổ ích*  **f. *Bố cục***: **3 phần:**  + Đoạn 1:Từ đầu đến *“hóm hỉnh hoặc thi vị”:* Cái thú tự học giống như cái thú đi bộ.  + Đoạn 2: Tiếp đến *“mà không hết buồn”:* Tự học là một phương thuốc trị bệnh âu sầu.  + Đoạn 3: Còn lại: Tự học là một thú vui thanh nhã, nó nâng cao tâm hồn ta lên  **II. Đọc -hiểu văn bản**  **1. Mục đích của văn bản**  Văn bản được viết ra để thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.  =>Mục đích đó được triển khai qua các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản.  **2. Các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản**  **(PHT 03)**  .  **3. Nhận xét về nghệ thuật lập luận trong văn bản:**  Nghệ thuật lập luận chặt chẽ với lí lẽ sắc bén, bằng chứng thuyết phục có tác dụng làm rõ ý kiến của người viết, dễ dàng được người đọc tin tưởng, tiếp nhận, nhờ đó thực hiện mục đích của văn bản là thuyết phục người đọc về những lợi ích của việc tự học.  **IV. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Bài viết thể hiện rõ quan điểm của người viết qua các ý kiến rõ ràng;  - Lí lẽ, bằng chứng cụ thể, thuyết phục  - Cách triển khai mạch lạc.  - Ngôn ngữ trong sáng, bình dị, góc nhìn khách quan.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Văn bản thuyết phục người đọc về những lợi ích của việc tự học. | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| \***Nhiệm vụ:** **Trắc nghiệm củng cố:**  GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai thông minh hơn”.  Bước 1: GV phổ biến luật chơi:  - GV mời 2 HS lên tham gia trò chơi.  - Hai HS cùng đứng tại điểm xuất phát và cầm bảng đen nhỏ.  - GV đọc câu hỏi. HS có 5 giây ghi câu trả lời vào bảng.  - Sau 5 giây, GV đọc đáp án. HS nào có câu trả lời đúng thì tiến lên một bước. HS nào trả lời sai thì đứng tại vị trí. Sau 4 câu hỏi, HS nào tiến xa hơn sẽ giành chiến thắng.  **Bước 2:** GV đọc từng câu hỏi; HS đứng vào vị trí GV hướng dẫn để tham gia trò chơi.  **Bước 3:**  Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án.  **Bước 4.** GV công bố kết quả. HS thực hiện tiến hoặc đứng tại chỗ theo quy định. |  | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật động não.  Đề bài: *Có bạn cho rằng: “Tự học là không cần sự trợ giúp của người khác”. Em hãy viết đoạn văn (khoảng 100 chữ) để trao đổi về ý kiến này.*  *GV yêu cầu HS thực hiện trao đổi, tìm ý tại lớp theo kĩ thuật think-pair-share. Sau đó, viết đoạn văn tại nhà.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS thực hiện nhiệm vụ trao đổi, thảo luận tìm ý tại lớp theo kĩ thuật think-pair-share.  -Sau đó, về nhà viết đoạn văn và chia sẻ sản phẩm vào buổi học sau.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, kết luận | | **Viết kết nối:** *Có bạn cho rằng: “Tự học là không cần sự trợ giúp của người khác”. Em hãy viết đoạn văn (khoảng 100 chữ) để trao đổi về ý kiến này.*  \* Nội dung đoạn văn: đồng tình hay không đồng tình với ý kiến: *“Tự học là không cần sự trợ giúp của người khác”.*  HS có thể tham khảo ý kiến sau:  +*Tự học không phải là không cần sự trợ giúp của ai, mà là người học chủ động, tự giác trong việc học của mình, biết lên kế hoạch học tập, chủ động tìm kiếm tri thức và biết tìm sự trợ giúp khi cần thiết để việc học được hiệu quả.*  \* Hình thức đoạn văn: Đảm bảo hình thức đoạn văn, tránh sai sót về chính tả, ngữ pháp. |

**Rubric đánh giá viết đoạn văn theo chủ đề**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Đoạn văn có chủ đề*:*** *Đồng tình hay không đồng tình với quan điểm:“Tự học là không cần sự trợ giúp của người khác”.* **(10 điểm)** | Nội dung đoạn văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả, ngữ pháp   ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày thuyết phục về vấn đề cần bàn luận   (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về chủ đề, diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp   (9- 10 điểm) |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc lại đoạn văn của mình và hoàn chỉnh đoạn văn bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết  đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thể hiện rõ thái độ, quan điểm của mình chưa? Các lí lẽ, dẫn chứng có thuyết phục người đọc theo quan điểm đó không?

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc các văn bản nghị luận khác viết về vấn đề tự học.

- Chuẩn bị đọc hiểu VB2: *Bàn về đọc sách* (Chu Quang Tiềm)

**Tiết: 75,76**

**VĂN BẢN 2: BÀN VỀ ĐỌC SÁCH**

**( Chu Quang Tiềm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*BT tình huống:**  Trong một hội thảo về đọc sách, có 2 luồng ý kiến được nêu ra: *(1) Đọc sách hiệu quả là đọc càng nhiều sách càng tốt. (2) Đọc sách hiệu quả không thể hiện ở số lượng mà thể hiện ở việc tiếp thu được những gì từ những cuốn sách đã đọc.*  Em đồng ý với ý kiến nào trong 2 ý kiến trên? Nêu lí do?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và trả lời.  GV động viên, khuyến khích HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Dự kiến câu trả lời: HS bộc lộ suy nghĩ cá nhân của mình.**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **GV dẫn vào bài:**  *“Việc đọc rất quan trọng. Nếu bạn biết cách đọc, cả thế giới sẽ mở ra cho bạn”. Câu nói nổi tiếng của Barack Obama đã thể hiện ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đọc sách. Vậy đọc sách có tầm quan trọng như thế nào, thực trạng của việc đọc sách hiện nay và làm thế nào để đọc sách có hiệu quả? Để trả lời những câu hỏi đó, chúng ra cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay: “Bàn về đọc sách” (Chu Quang Tiềm)* | | | - HS xem chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân. |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HT 01: Tìm hiểu khái quát văn bản**  **Đọc văn bản *Bàn về đọc sách* và trả lời các câu hỏi sau:** | | | **Câu hỏi tìm hiểu** | **Trả lời** | | -Nêu một vài hiểu biết của em về tác giả Chu Quang Tiềm. | .......................... | | - Nêu xuất xứ, thời điểm ra đời (nếu có) của văn bản. | ......................... | | - Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính của văn bản. | ........................ | | - Nêu đề tài của văn bản. | ........................ | | -Nêu bố cục của văn bản | ………………. | |  |  |   **PHIẾU HỌC TẬP 02**  **Em hãy chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản dựa vào sơ đồ sau:** | | | |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc VB:  + Đọc kĩ từng phần của văn bản:  đọc to, rõ ràng, chú ý dừng lại thực hiện chỉ dẫn trong box bên tuyến phải trang sách – chủ yếu kĩ năng theo dõi, suy luận  - GV đọc mẫu một đoạn rồi gọi 1 vài HS khác đọc theo đoạn.  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 01:**  **+** *Nêu tác giả và xuất xứ của văn bản***.**  *+ Nêu thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản. Nêu những dấu hiệu giúp em nhận biết về thể loại đó.*  + *Xác định đề tài của văn bản. Em dựa vào đâu để xác định điều đó?*  *+ Xác định bố cục của văn bản.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB – Giải thích một vài chú thích SGK.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**      GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS.     Chuẩn kiến thức  **Hoạt động 2: hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  **NV1: Tìm hiểu mục đích; các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:** HĐ cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ sau:  -Văn bản trên được viết nhằm mục đích gì?  - Xác định ý kiến, lĩ lẽ, bằng chứng trong văn bản và hoàn thành phiếu học tập 02.  **Bước 2:** **HS thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận theo cặp đôi.  **Bước 3*:* Báo cáo kết quả**  Đại diện 1 cặp đôi báo cáo  Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** **GV nhận xét, chuẩn kiến thức**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc kĩ VB, lần lượt thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các cặp HS trả lời câu hỏi.  - Các cặp khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), chốt kiến thức.  **NV3: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ Theo nhóm 2 bàn (kĩ thuật khăn trải bàn), thảo luận trả lời các câu hỏi:  -Nhận xét về thái độ của tác giả với vấn đề nêu ra?  -Nhận xét các lí lẽ, dẫn chứng tác giả đưa ra trong văn bản?  -Nhận xét việc sắp xếp các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản? Mối quan hệ của nghệ thuật lập luận với mục đích của văn bản?  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trao đổi, thảo luận, ghi kết quả theo yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV đại diện một số nhóm chia sẻ, trình bày kết quả. .  **Bước 4: Đánh giá, kết luận.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  ?  Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * GV hướng theo dõi, quan sát, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: (1897- 1986)**  Là nhà mĩ học và lí luận nổi tiếng của Trung Quốc.  - Những bài chính luận của Chu Quang Tiềm mang phong cách nhẹ nhàng nhưng vẫn đầy đủ lí lẽ xác đáng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng sinh động và có tính thuyết phục sâu sắc. Văn phong chính luận của Chu Quang Tiềm không hề khô khan mà có cả tâm tình và chút hài hước.  2**. Tác phẩm**:  **a. Đọc, tìm hiểu từ khó.**  - Đọc  - Tìm hiểu và giải thích từ khó ( SGK/Tr 9, 10, 11)  **b. Xuất xứ**  Trích trong cuốn *“Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui, nỗi buồn của việc đọc sách”* xuất bản năm 1995.  **c.** **Thể loại và phương thức biểu đạt chính:**  **- *Thể loại*:** Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống  => Văn bản *Bàn về đọc sách* thể hiện những đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống:  - ***Phương thức biểu đạt chính****:* Nghị luận  **d. Đề tài:**Bàn về đọc sách  **e*. Bố cục***:  P1: Từ đầu …. *“thế giới mới”:* Sự cần thiết và ý nghĩa của việc đọc sách  P2: Tiếp…đến… *“tự tiêu hao lực lượng”:* Những khó khăn, thiên hướng sai lệch dễ mắc phải của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay.  P3: Phần còn lại: Bàn về phương pháp chọn sách và đọc sách.  **II. Đọc -hiểu văn bản**  **1. Mục đích của văn bản**  Văn bản được viết ra để thuyết phục người đọc về hai vấn đề: (1) Tầm quan trọng của việc đọc sách; (2) Sự cần thiết của việc đọc sâu, nghiền ngẫm kĩ khi đọc.  =>Mục đích đó được triển khai qua các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản.  **2. Các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản**  **2.1 Nhận biết các ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng và mối liên hệ giữa các yếu tố này (PHT 02)**  **3. Nhận xét về nghệ thuật lập luận trong văn bản**  **-** Các lí lẽ, bằng chứng đều rất chặt chẽ, thuyết phục để làm rõ cho ý kiến, thái độ của người viết – đó là nêu lên ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đọc sách và phương pháp đọc sách hiệu quả: Trong từng ý kiến, tác giả có hệ thống câu văn nêu lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến đó.  \* Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí; Chia thành nhiều đoạn văn hàm chứa các ý kiến; trong mỗi đoạn, tác giả lại có cách sắp xếp lí lẽ, dẫn chứng hợp lí. Chẳng hạn, ở đoạn văn thứ hai, việc tác giả sắp xếp theo trình tự “một là...”, ‘hai là...” nhằm giúp người đọc dễ dàng nhận ra, điều này làm tăng sức thuyết phục cho văn bản  => Nghệ thuật lập luận chặt chẽ với lí lẽ sắc bén, bằng chứng thuyết phục có tác dụng làm rõ ý kiến của người viết, dễ dàng được người đọc tin tưởng, tiếp nhận, nhờ đó thực hiện mục đích của văn bản là thuyết phục người đọc về những lợi ích của việc đọc sách và cách đọc sách hiệu quả  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Bài viết thể hiện rõ quan điểm của người viết qua các ý kiến rõ ràng;  - Lí lẽ, bằng chứng cụ thể, thuyết phục  - Cách triển khai mạch lạc.  - Ngôn ngữ trong sáng, bình dị, góc nhìn khách quan.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Văn bản thuyết phục người đọc về những lợi ích của việc đọc sách và sự cần thiết của việc đọc sâu, nghiền ngẫm kĩ khi đọc. | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện củng cố qua hoạt động trang trí “Cây tri thức”**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm tự chuẩn bị trước ở nhà một sơ đồ tư duy hình cây xanh to gồm 3 nhánh và để trống (chưa ghi chữ lên sơ đồ).  - GV chuẩn bị các phiếu dán hình cành cây, chiếc là chứa thông tin về các kiến thức cơ bản của văn bản và yêu cầu HS dán vào sơ đồ của nhóm mình để hoàn thành “Cây tri thức” trong 5 phút. HS có thể chuẩn bị màu để trang trí thêm vào cây xanh của nhóm mình.  - Nhóm nào hoàn thiện sơ đồ đúng, khoa học và đẹp sẽ giành được điểm tốt.  **Bước 2:** HS thực hiện yêu cầu của GV  **Bước 3:**  GV và HS theo dõi kết quả đạt được của 4 nhóm.  **Bước 4.** GV công bố kết quả và chuẩn hoá kiến thức. | |  | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não.  **Đề bài:** Hãy viết đoạn văn khoảng 100 chữ chia sẻ về một cuốn sách mà em yêu thích nhất.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ và làm việc độc lập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | | | \* Nội dung đoạn văn: Chia sẻ về một cuốn sách mà em tâm đắc.  *+ Vì sao em lại chọn cuốn sách đó?*  *+ Sau khi đọc, em đã tiếp thu được điều gì từ cuốn sách*  *+ Liên hệ những tri thức trong cuốn sách với bản thân em.*  \* Hình thức đoạn văn: Đảm bảo hình thức đoạn văn, tránh sai sót về chính tả, ngữ pháp. |

**Rubric đánh giá viết đoạn văn theo chủ đề**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Đoạn văn có chủ đề*:*** chia sẻ về cuốn sách mà em tâm đắc **(10 điểm)** | Nội dung đoạn văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả, ngữ pháp   ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; chia sẻ được nhiều điều hay về cuốn sách (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; chia sẻ nhiều điều hay, hấp dẫn về cuốn sách, có liên hệ thực tế với bản thân, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp   (9- 10 điểm) |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc lại đoạn văn của mình và hoàn chỉnh đoạn văn bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thể hiện sự thuyết phục vềcách thức ghi chép của em chưa?  Nếu chưa hãy bổ sung.

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

- Chuẩn bị: đọc, tìm hiểu văn bản: ***Tôi đi học***

**Tiết: 77**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**VĂN BẢN 3: TÔI ĐI HỌC**

**(Thanh Tịnh)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV cho HS xem video bài hát *Ngày đầu tiên đi học* (Nhạc sĩ: Nguyễn Ngọc Thiện)*:*  [**https://www.youtube.com/watch?v=T5VO5Yv0JD0**](https://www.youtube.com/watch?v=T5VO5Yv0JD0)  GV đặt câu hỏi: *Em hãy nêu cảm nhận của mình sau khi xem video?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS  suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ suy nghĩ **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới:  *In đậm trong kí ức về một thời học trò có lẽ sẽ có rất nhiều những kỉ niệm đẹp đẽ nhất đời. Đó là quãng thời gian ta được sống là chính mình, là sự vô tư hồn nhiên còn luôn nở rộ trên khuôn mặt trẻ thơ. Và chắc hẳn còn là cả bầu trời kí ức về ngày đầu tiên đi học của đời mình. Khoảnh khắc đáng nhớ ấy được tác giả Thanh Tịnh tái hiện đầy xúc cảm qua truyện ngắn “Tôi đi học”.* | | - HS xem chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân. |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **PHIẾU HỌC TẬP 01: Tâm trạng của nhân vật tôi trong buổi tựu trường**  **Nhiệm vụ: Hoàn thành bảng sau**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật tôi** | | | | | Thời điểm gợi nhớ  (Khung cảnh, tâm trạng)  (Nhóm 1) | Trên đường đến trường.  (Khung cảnh, tâm trạng)  (Nhóm 2) | Ở trên sân trường  (Khung cảnh, tâm trạng)  (Nhóm 3) | Khi vào lớp học  (Khung cảnh, tâm trạng)  Nhóm 4 | |  |  |  |  |     **Câu hỏi chung cho 4 nhóm:** Em có nhận xét gì trong việc thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình trong truyện ngắn?  **PHIẾU HỌC TẬP 02: TÌM HIỂU VỀ THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI LỚN**  **Nhiệm vụ:** Liệt kê các chi tiết thể hiện thái độ, tình cảm của những người lớn đối với các em bé lần đầu tiên đi học và nêu cảm nhận của em:    ..............................................................................  **Phụ huynh**  .................................................................................  **Ông đốc**  **Thầy giáo**  Đón chào các em bằng gương mặt tươi cười, thái độ trìu mến...  **Thầy giáo**  .................................................................................... | | |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**   * GV chia lớp thành 2 dãy. HS mỗi dãy trao đổi theo cặp câu hỏi sau**:**   **Dãy 1** thực hiện câu 1.  **Dãy 2** thực hiện câu 2.  Thời gian: 5 phút  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm:  **Câu 1**:  ? Hãy cho biết vài nét về tác giả văn bản,  xuất xứ và thời gian ra đời của văn bản.  ? Văn bản viết về đề tài gì?  **Câu 2**:  ? Tác giả đã sử dụng thể loại và PTBĐ?  ? Nêu bố cục của văn bản.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp ở mỗi dãy lần lượt trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**   * GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS.    Chuẩn kiến thức.  **Hoạt động 2: hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  **HĐ Cá nhân:**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ** (PP vấn đáp)  “Tôi đi học” vừa là nhan đề vừa là cụm từ nhà văn dùng để khép lại văn bản. Theo em, cụm từ ấy gợi ra ý nghĩa gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  GV gọi 1 – 2 HS trả lời.  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: GV đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), chốt kiến thức.  **Tìm hiểu nội dung 2: Tâm trạng của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường**  **NV1: HĐ Cá nhân**   * **Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật tôi được tác giả diễn tả ở những thời điểm nào?** * **HS suy nghĩ, trả lời.** * **GV chốt đáp án.**   **NV1: HĐ Nhóm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận nhóm: Kĩ thuật Khăn trải bàn**    **Nhóm 1:** Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật tôi ở thời điểm gợi nhớ.  **Nhóm 2:** Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật “tôi” trên đường tới trường.  **Nhóm 3:** Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi ở trên sân trường.  **Nhóm 4:** Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi ở trên sân trường.  *? Nhận xét về cách thể hiện tình cảm của nhân vật trữ tình trong văn bản?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Các cá nhân ghi câu trả lời ra giấy, sau đó thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn.  - Chia sẻ với nhóm lớn/cả lớp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi một số đại diện các nhóm chia sẻ, trình bày kết quả. .  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **Tìm hiểu nội dung 3: Thái độ của người lớn đối với các em lần đầu tiên đi học**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Thảo luận cặp đôi hoàn thành PHT 02  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Các cặp đôi trao đổi, thảo luận hoàn thành PHT 02  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -GV gọi một số đại diện 1-2 cặp đôi chia sẻ, trình bày kết quả. .  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **Tổng kết nghệ thuật và nội dung của VB.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS thảo luận theo cặp bàn, ghi ý kiến của nhóm mình, với yêu cầu:  *Nhận xét những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của VB.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm HS đọc kĩ VB, lần lượt thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.  - GV theo dõi, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện từng nhóm HS trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), chốt kiến thức, chuyển sang phần luyện tập, vận dụng. | | **I. Tìm hiểu chung**  **1.Tác giả:**  Thanh Tịnh (1911 – 1988)  - Tên thật là Trần Văn Ninh, lên 6 tuổi đổi là Trần Thanh Tịnh, quê ở Gia Lạc, ven sông Hương (Huế)  - Thơ văn của ông đậm chất trữ tình, giàu cảm xúc, trong trẻo.  **2. Tác phẩm:**  **a. Đọc, tìm hiểu từ khó:**  ***b. Xuất xứ và thời gian ra đời***  ***- In trong tập “Quê mẹ” (1941)***  ***c. Thể loại, phương thức biểu đạt:***  ***- Thể loại:*** truyện ngắn  - ***Phương thức biểu đạt:****:* Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm  ***d. Bố cục:***  ★P1: Khơi nguồn cảm xúc  ★P2: Cảm nhận của “tôi” trên đường tới trường.  ★P3: Cảm nhận của “tôi” lúc ở sân trường.  ★P4: Cảm nhận của “tôi” khi vào lớp và bắt đầu buổi học đầu tiên.  **II. Đọc -hiểu văn bản**  **1. Ý nghĩa nhan đề “Tôi đi học”**  -Gợi nhắc cột mốc quan trọng của đời người, ngày đầu tiên đi học với sự trân trọng, nâng niu.  -Gợi tới những bước đầu tiên trên cuộc hành trình lĩnh hội tri thức của cuộc đời, thể hiện thái độ trân trọng tri thức, trân trọng việc học tập.  **2. Tâm trạng của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường.**  - Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật tôi được tác giả diễn tả ở những thời điểm: thời điểm gợi nhớ, trên đường tới trường, ở trên sân trường, khi vào lớp học.  **2. Bài học gợi ra từ nhân vật chú lính chì**  - Bài học về cái nhìn thực tế về hiện thực trong cuộc sống đầy rẫy khó khăn mà không phải lúc nào cũng có cái kết như ta mong muốn.  - Đứng trước những thử thách của cuộc sống, hãy chấp nhận và dũng cảm, can đảm đối mặt với nó, bởi khi đó, bạn sẽ có những thành quả của thành công, vượt ra khỏi mảnh đất chật hẹp vốn thuộc về mình.  **3.Thái độ của những người lớn:**  => Thể hiện trách nhiệm và tình thương yêu của gia đình, nhà trường đối với thế hệ tương lại -> môi trường giáo dục ấm áp tình người.  **III. Tổng kết**   1. **Nghệ thuật:**   - NT so sánh, bố cục theo dòng hồi tưởng của nhân vật, trình tự thời gian của buổi tựu trường.  - Kết hợp hài hòa giữa 3 phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Ngôn ngữ miêu tả tinh tế, giàu hình ảnh, nhạc điệu và giàu chất thơ.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Những kỷ niệm trong sáng cùng tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường đầu tiên. |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**  **Nhiệm vụ:** **Trò chơi *“Đi tìm dòng chữ”***  HS nhìn và bảng và khoanh vào các chữ liền nhau để tạo thành một từ, cụm thích hợp có liên quan đến tác giả và văn bản “*Tôi đi học”.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, tham gia trò chơi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện 1 số HS đọc các từ mình tìm được  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). |  | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Nhiệm vụ : Viết tích cực**  **Yêu cầu HS:** Kí ức ngày đầu tiên đi học thường là ấn tượng khó phai trong tâm trí mỗi người. Em hãy chia sẻ những kỉ niệm ấy với các bạn trong một đoạn văn khoảng 7-8 câu.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, rồi viết đoạn văn. * Giáo viên gợi ý học sinh về yêu cầu đoạn văn.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * Học sinh báo cáo theo từng bước: Xác định đề - tìm ý- viết đoạn văn * Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.   **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics. | |  |

**Rubrics đánh giá đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) | **1** |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn | **0** |
| **Nội dung** | - Giới thiệu kỉ niệm ngày đầu tiên đi học | **0,5** |
| - Kể lại những kỉ niệm gắn liền với những quang cảnh. | **3** |
| - Những tình cảm, cảm xúc gắn liền với những kỉ niệm. | **3** |
| Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc của mình trong ngày đầu tiên đi học đó. | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện bài học nhận thức sâu sắc; có mối liên hệ so sánh với đời sống hiện tại. | **1,0** |

**\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

**Hướng dẫn về nhà**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

- Chuẩn bị: đọc, tìm hiểu bài *Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản.*

**Tiết: 78,79**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Trò chơi “*Liên kết”*  Luật chơi:  **GV hô:** Liên kết, liên kết  **HS đáp:** Kết mấy kết mấy?  **GV:** (kết mấy tùy theo yêu cầu của giáo viên) Kết 3 thì 3 học sinh sẽ chụm vào nhau. Nếu bạn nào thừa mà không tìm được chổ liên kết sẽ bị phạt hát một bài.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và thảo luận cặp đôi, thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**   GV kết nối, dẫn vào bài mới.  *Trong Từ điển Tiếng Việt, liên kết là gắn chặt với nhau. Vậy trong một văn bản văn học thì thuật ngữ liên kết này được hiểu như thế nào? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về điều đó trong bài học ngày hôm nay nhé!* | | - HS xem chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân. |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | |
| **\*Tìm hiểu về đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản**  **NV1: Tìm hiểu ví dụ**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*HS suy nghĩ cá nhân”**  **HS đọc các đoạn văn sau:**  (1)Khi đọc sách, ta thấy trong nỗi buồn khổ, lo lắng của người viết nỗi buồn khổ, lo lắng của ta và ta hiểu rằng chúng ta không phải cô độc trên thế giới này. Bất kì ta ở một tình thế khắt khe, chua chát nào, mở sách ra là ta đã gặp người đồng cảnh hay đồng bệnh mà đọc họ ta thấy ấm áp lại trong lòng.  (Nguyễn Hiến Lê, *Tự học – một thú vui bổ ích"*.  Trả lời câu hỏi:  a. Từ *sách* trong VD(1) được lặp lại mây lần? Tác dụng của việc lặp từ ngữ này?  b. Cụm từ *Các thành quả đó* có tác dụng thay thế cho cụm từ nào ở câu trước đó? Tác dụng của sự thay thế này?  c. Từ “Bởi vì” có tác dụng gì trong đoạn văn?  d. Cụm từ *phương thuốc trị bệnh âu sầu* và từ *bác sĩ* có mối liên hệ với nhau như thế nào?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và trả lời cá nhân..  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:   * Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4. Đánh giá, kết luận**   GV nhận xét, chuẩn kiến thức về cách trích dẫn.  **NV2: Kết luận**  **HĐ cá nhân**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Từ phần *Tri thức Ngữ văn* và từ việc xét các VD trên, em hãy cho biết liên kết trong văn bản là gì?  - Nêu đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:  Gv mời 1-2 HS trả lời câu hỏi.  CácHS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | | **I. Lý thuyết về liên kết trong VB: đặc điểm và chức năng**  **1. Xét ví dụ: Các đoạn văn (1), (2), (3), (4)**  a. Từ *sách* trong VD (1) được lặp lại hai lần, có tác dụng liên kết câu văn sau với câu văn trước => Tạo tính liên kết trong đoạn văn.  b. Cụm từ *Các thành quả đó* thay thế cho cụm từ *Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại* => Tránh lặp từ; làm cho đoạn văn trở nên mạch lạc hơn.  c. Từ “bởi vì” có tác dụng nối câu sau với câu trước của đoạn văn.  d. Cụm từ *phương thuốc trị bệnh âu sầu* và từ *bác sĩ* cùng trường liên tưởng: khám chữa bệnh  => Các câu trong đoạn văn đều có sự liên kết.   1. **Kết luận** 2. **Khái niệm**   Liên kết là làm cho nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.   1. **Đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản**   -Đặc điểm:  + Nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.  + Các câu, các đoạn được kết nối với nhau bằng các phép liên kết thích hợp.  -Chức năng: Liên kết là một trong những tính chất quan trọng của văn bản, có tác dụng làm văn bản trở nên mạch lạc, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức  - Một số phép liên kết thường dùng:  + Phép lặp từ ngữ: lặp lại ở câu sau các từ ngữ đã có ở câu trước (VD 1)  + Phép thế: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước (VD2)  + Phép nối: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước. (VD 3)  +Phép liên tưởng: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.(VD 4)  \*Lưu ý: Những phép liên kết trên khi được sử dụng ở những đoạn văn khác nhau sẽ có chức năng liên kết đoạn. Ví dụ: Với phép nối, người ta thường dùng các từ biểu thị quan hệ như “thứ nhất...,thứ hai...,thứ ba...”, “trước hết...,hơn nữa,...,quan trọng hơn cả...” ở các đoạn văn khác nhau để tạo sự liên kết. |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **Trò chơi “Ai nhanh hơn”**  - Chia lớp thành 2 đội chơi:  + Mỗi đội chuẩn bị một tờ A0.  + Các đội hoàn thành các BT1,2,3,4,5 vào A0 trong thời gian 10 phút.  + Sau 10 phút, GV chữa bài; tích vào đáp án đúng của các đội.  + Đội nào trả lời đúng nhiều hơn thì đội đó sẽ chiến thắng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS thực hiện lần lượt nhiệm vụ theo yêu cầu * GV hỗ trợ, khuyến khích.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS lần lượt treo tờ A0 bài làm của mình lên bảng.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **Bài tập 1, tr.14:**  a. Câu (1) liên kết với câu (2) bởi phép lặp từ ngữ, thể hiện qua cụm từ *tự học.*  b. Câu (1) liên kết với câu (2) bởi phép lặp từ ngữ, thể hiện qua từ *sách.*  c. Câu (1) liên kết với câu (2) bởi phép lặp từ ngữ, thể hiện qua cụm từ *Tôi nhìn*  **Bài tập 2, tr.14:**  **Phép thế trong các đoạn trích:**  a. *Nó* thay thế cho *sách.*  b. *Con đường này* thay thế cho *con đường làng dài và hẹp*  c. *Họ* thay thế cho *mấy cậu học trò mới*  **Bài tập 3, tr.15:**  a. Từ nối *Nhưng*  b. Từ nối: *một là, hai là*  **Bài tập 4, tr.15:**  **: Phép liên tưởng trong đoạn trích:**  a. *lớp, hình treo trên tường, bàn ghế* (trường liên tưởng: lớp học).  b. *chán đời, nỗi đau khổ* (trường liên tưởng: bệnh âu sầu).  c. *kẻ giẫm lên vai người khác để thỏa mãn lòng ích kỉ, kẻ giúp đỡ người khác trên đôi vai mình* (trường liên tưởng: quan điểm về kẻ mạnh)  **. Bài tập 5/ SGK/tr 15: Các phép liên kết được dùng để liên kết hai đoạn văn là:**  - Phép nối: *trước hết, hơn nữa.*  - Phép lặp: *tự học* | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | |
| : Kĩ thuật “viết tích cực”  **\*Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**  ?Viết một đoạn 8 -10 dòng viết về một chủ đề mà em tâm đắc. Trong đó, các câu trong đoạn văn phải đảm bảo sự liên kết cả nội dung lẫn hình thức, có sử dụng ít nhất một phép liên kết.  **\*Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  HS viết đoạn văn theo yêu cầu:  - Dung lượng đoạn văn từ 8-10 dòng; đảm bảo hình thức đoạn văn.  - Nội dung của đoạn văn: Viết về một chủ đề mà em tâm đắc.  - Đoạn văn đảm bảo sự liên kết cả về nội dung lẫn hình thức, có sử dụng ít nhất một phép liên kết.  **\*Bước 3:** **Báo cáo kết quả**  GV gọi 1 – 2 HS đọc đoạn văn  HS khác nhận xét  (Nếu hết thời gian thì để chữa bài vào tiết sau hoặc dạy chiều)  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | | **Về hình thức:**   * *Viết đoạn văn đảm bảo số câu.* * *Đảm bảo hình thức đoạn văn.* * *Có sử dụng các phép liên kết về hình thức.* * *Trình bày sạch đẹp.*   **\*Về nội dung:** Viết theo chủ đề tự chọn. (*gia đình, bạn bè, quê hương*,...) |

**Tiết: 80**

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**VĂN BẢN 4: ĐỪNG TỪ BỎ CỐ GẮNG**

**(Theo Trần Thị Cẩm Quyên)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | | | |
| GV đọc cho HS nghe bài thơ: “*Nghĩ về kiệt tác của cụ Bơ-men*” và giúp HS nêu cảm nhận về bài thơ.  “*Chiếc lá cuối cùng” - chiếc lá giả trên cây*  *Được vẽ ra trong đêm mưa gió rét*  *Được vẽ ra từ tấm lòng cao đẹp*  *Và tình người nhân ái bao la*  *Cụ Bơ-men người hoạ sĩ tài hoa*  *Đã cứu sống một tâm hồn còn trẻ*  *Chẳng quản tuyết rơi, đêm đông lạnh giá*  *Lặng lẽ…âm thầm…vẽ chiếc lá trong đêm*  *Có biết đâu rằng trong đêm mưa tuyết rơi*  *Cụ Bơ-men vì tình yêu con người*  *Cứu sống Giôn-xi cụ ra đi mãi mãi*  *Để lại cho đời một kiệt tác “hồi sinh*”.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  \*GV đọc bài thơ: “Nghĩ về kiệt tác của cụ Bơ-men” và nêu câu hỏi:  - ***Em có cảm nhận gì về bài thơ trên? Tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” đã để lại tình cảm, cảm xúc gì cho tác giả qua bài thơ đó?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV: Yêu cầu HS trình bày.  - HS: trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS tự mình chia sẻ.  GV giới thiệu bài mới. | | | - HS xem chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân. |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | | |
| **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu cá nhân HS đọc. (đọc to, diễn cảm)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe GV hướng dẫn, đọc mẫu, luyện đọc.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS đọc to, diễn cảm văn bản  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét giọng đọc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  **Hoạt động 2: hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV nêu câu hỏi: Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: *(phần này đã được chuẩn bị bài ở nhà)*  **H:** ***Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản****"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng****"?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** Đọc kĩ văn bản, xác định các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng để vẽ sơ đồ - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại nhà  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - HS trình bày sản phẩm đã làm ở nhà trước lớp.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - **Nhiệm vụ 1:** Văn bản *"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng*** được viết ra nhằm mục đích gì?  - **Nhiệm vụ 2:** Chỉ ra những đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong “Sức hấp dẫn của truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng*” và nêu tácdụng của các đặc điểm ấy trong việc thực hiện mục đích văn bản bằng cách hoàn thành bảng sau:  (thời gian thảo luận 5 phút)  https://tech12h.com/sites/default/files/styles/inbody400/public/untitled_494.png?itok=Aq-ciOMm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***NV1:*** Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi  ***NV2:*** Thảo luận nhóm (4 nhóm)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  ***NV 1:***  **GV:** Yêu cầu HS trình bày.  **HS:** trình bày ý kiến; các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  ***\*NV 2:***  **GV:** Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  **HS:** Đại diện nhóm trình bày ý kiến, các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức. | | **I. Tìm hiểu chung**  **1.Đọc**  **2. Xuất xứ**  - Trích “*Tác phẩm văn học trong nhà trường- Những vấn đề trao đổi", tập 3, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.*  **II. Đọc -hiểu văn bản**  **1.Các yếu tố nghị luận trong văn bản:**  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0315/capture_4.PNG  Cách triển khai các ý kiến, lí lẽ bằng chứng hợp lí thuyết phục, giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận và nắm bắt lập luận của văn bản.  **2. Mục đích và đặc điểm của văn bản:**  Mục đích: thuyết phục người đọc hiểu được: *Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật chân chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người.* | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Nêu tóm tắt ý chính của văn bản đã học  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thức hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần ) | **Tóm tắt** | | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | | |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ: (GV)**  Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta những ích lợi gì? Em hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, tìm ý  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS đọc đoạn văn.  **Lưu ý:** có thể sử dụng thêm các hình ảnh (nếu cần).  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | | |  |

**Tiết: 81,82**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **KHỞI ĐỘNG** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**    ẢNH 1    Ảnh 2    Ảnh 3    ảnh 4    Ảnh 5  Gợi ý tương ứng:  Ảnh 1: Đây là thói xấu nào?  Ảnh 2: Đây là một thói quen làm ảnh hưởng đến môi trường?  Ảnh 3: Đây là một hành vi rất nguy hiểm khi tham gia giao thông?  Ảnh 4: Đây là hành vi gây khó chịu nơi công cộng?  Ảnh 5: Đây là một thói quen gây ảnh hưởng đến sức khỏe?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS quan sát, suy nghĩ. * GV quan sát, gợi ý nếu cần.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   * Gọi HS trả lời các câu hỏi. * Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.  Dự kiến câu trả lời:  Ảnh 1: Hút thuốc lá nơi công cộng  Ảnh 2: Vứt rác bừa bãi  Ảnh 3: Vượt đèn đỏ  Ảnh 4: Làm ồn nơi công cộng  Ảnh 5: Lạm dụng thuốc kháng sinh  **GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**:  *Những hiện tượng trên là những hiện tượng xấu, tiêu cực và trong cuộc sống, còn có vô vàn điều như vậy. Vậy làm thế nào trước một vấn đề tốt, tích cực chúng ta có thể thuyết phục mọi người tin và làm theo hay trước một vấn đề xấu, tiêu cực, chúng ta có thể thuyết phục mọi người từ bỏ nó? Làm thế nào để trình bày ý kiến một cách rõ ràng, mạch lạc, thuyết phục? Phần bài học này sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó.* | | | - HS xem chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân. |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **NV 1: Tìm hiểu khái niệm và yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống**  + *Thế nào là bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống?*  *+Nêu các yêu cầu đối với kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.*  *+ Cấu trúc của bài văn gồm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?.*  **NV 2: Hoàn thành PHT:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống  (NV6) | Nghị luận về một vấn đề đời sống  (NV7) | Nhận xét về sự phát triển kiến thức | | Đề tài |  |  |  | | Nội dung cần triển khai trong thân bài |  |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  **Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh phân tích kiểu văn bản**  **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** GV yêu cầu HS đọc ví dụ bài văn *Ý nghĩa của sự tha thứ.*  - GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu phân tích kiểu văn bản bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5 (tr 19, sgk)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  +Đại diện nhóm bàn trả lời câu hỏi  +GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), chốt kiến thức.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  .  **Hướng dẫn học sinh quy trình viết**  **Hướng dẫn HS thực hành quy trình viết.**  **NV 1: Hướng dẫn HS xác định mục đích, người đọc và xác định đề tài của bài viết**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:**   + HĐ cá nhân: GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  + HĐ nhóm – xác định đề tài: Chia lớp ra làm 3 nhóm, lần lượt mỗi nhóm sẽ tìm những vấn đề đáng quan tâm để viết:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | N1: Những hiện tượng đời sống | N2: Những vấn đề về lối sống, tư tưởng | N3: Những danh ngôn, tục ngữ có ý nghĩa với em | | ............ | .............. | ............ |   ++ Phát cho mỗi HS một tờ giấy ghi chú. Trong thời gian 3 phút, mỗi HS ghi lên giấy ghi chú của mình một vấn đề mà mình quan tâm, sau đó mang lên bảng và dán vào cột tương ứng nhóm mình.  ++ Sau khi HS dán xong, GV đọc các tờ ghi chú trên bảng. Những ý tưởng nào trùng nhau thì ta chỉ giữ lại một tờ giấy ghi chú.  + Thu thập tư liệu (theo mẫu, sgk, tr.20)   * Mỗi nhóm sẽ chọn 1 đề tài mình ưng ý nhất để tiến hành thu thập tài liệu, tìm ý và lập dàn ý để viết.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV lưu ý; Bài viết sẽ được đánh giá cao hơn khi bàn về những vấn đề có ý nghĩa với bản thân và xã hội, những vấn đề đang có những ý kiến trái chiều.  **NV 2: Hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý, viết**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + Mỗi nhóm đã thống chọn 1 đề tài trong các đề tài của nhóm mình để thực hiện tìm ý, lập dàn ý.  + GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài văn của mình dựa vào sơ đồ sgk (tr.21)  + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: Mở bài –thân bài – kết bài.  + Hướng dẫn HS viết thành bài văn hoàn chỉnh.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về sản phẩm của nhóm bạn  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  **Nhiệm vụ 3: Rút kinh nghiệm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Chuẩn kiến thứcvề yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống  +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng kiểm) | | | **I. Tìm hiểu chung về bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống:**  **1. Khái niệm**  - **Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống thuộc thể nghị luận xã hội. Trong đó, người viết đưa ra ý kiến của mình về một vấn đề gợi ra từ các hiện tượng, sự việc trong đời sống, hoặc một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.**  **2.Yêu cầu**  - Nêu được vấn đề cần bàn luận.  - Trình bày được ý kiến tán thành, phản đối của người viết đối với vấn đề cần bàn luận.  - Đưa ra lí lẽ rõ ràng, bằng chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  - Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + MB: Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện ý kiến rõ ràng của người viết về vấn đề ấy.  +TB: Giải thích vấn đề cần bàn luận; đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết; sắp xếp các lí lẽ, dẫn chứng theo trình tự hợp lí; đưa ra được bằng chứng đa dạng, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ; xem xét vấn đề từ nhiều phía để nội dung bài viết được toàn diện.  + KB: Khẳng định lại ý kiến và đưa ra bài học nhận thức và phương hướng hành động  **3.Những yêu cầu mới của kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống so với kiểu bài *Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống* trong sách Ngữ văn 6**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống (Ngữ văn 6) | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (Ngữ văn 7) | Nhận xét về sự phát triển kiến thức | | Đề tài | Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (bao gồm cả hiện tượng đời sống, tư tưởng đạo lí) | Ở chương trình Ngữ văn 7, đề tài rộng hơn và bao quát hơn, bên cạnh hiện tượng đời sống còn có thể là vấn đề tư tưởng, đạo lí, bàn luận về danh ngôn, tục ngữ,... | | Nội dung cần triển khai trong thân bài | Hs đưa ra ý kiến về hiện tượng; trình bày lí lẽ, dẫn chứng làm sáng tỏ ý kiến. | -HS cần giải thích được vấn đề cần bàn luận.  -Đưa ra ý kiến; trình bày lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ ý kiến; lí lẽ, dẫn chứng cần thuyết phục  -HS lật lại vấn đề để có cái nhìn toàn vẹn về vấn đề | -NV 7 kế thừa và phát triển cho HS kĩ năng đưa ý kiến, trình bày lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ ý kiến.  -NV 7 yêu cầu cao hơn về lí lẽ, bằng chứng: HS cần biết thế nào là lí lẽ, bằng chứng thuyết phục và cách triển khai lí lẽ, bằng chứng thuyết phục  - Bố cục bài viết trong chương trình NV 7 có thêm phần giải thích và lật lại vấn đề. |   **II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **\* Bước 1: Đọc bài văn *Ý nghĩa của sự tha thứ***  - Đọc bài văn (tr.18, sgk)  - Xem cách nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí: ý nghĩa của sự tha thứ  **\* Bước 2:** **Nhận xét, phân tích các yêu cầu**  **1. Mục đích của bài văn: Thuyết phục người đọc về ý nghĩa của sự tha thứ.**  **2. Dấu hiệu nhận biết đây là bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống:**  + Dấu hiệu về nội dung và mục đích: Thể hiện thái độ đề cao của người viết đối với ý nghĩa của sự tha thứ; VB đưa ra các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm rõ quan điểm của người viết.  + Dấu hiệu về bố cục, hình thức trình bày: MB, TB, KB như yêu cầu trên cbài văn.  ++Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí để người đọc nhận ra tầm quan trọng của sự tha thứ  3.Bài viết đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về sự tha thứ:  -Ý kiến: Sự tha thứ là món quà quý giá mà chúng ta tặng cho người khác và cho chính mình (vai trò thiết yếu của tha thứ trong đời sống của con người)  **III. Hướng dẫn quy trình viết**  **Đề bài: *Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm***   1. **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**   - Xác định mục đích viết: Thuyết phục người viết về vấn đề mình quan tâm.  - Người đọc: cô và các bạn.  - Xác định đề tài:  + Hiện tượng đời sống  + Vấn đề về lối sống, tư tưởng  + Những danh ngôn, tục ngữ có ý nghĩa với lối sống của con người  (Xem cụ thể trong sản phẩm của HS)  - Thu thập tài liệu:  + Tìm các nguồn tư liệu liên quan đến vấn đề mà em muốn viết như bài báo, bài nghiên cứu, cuốn sách hoặc các trang web uy tín,...  + Trong khi thu thập tư liệu, hãy lập bảng thống kê tư liệu và ghi lại những lí lẽ, bằng chứng có thể sử dụng theo mẫu:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tên tư liệu (tác giả) | Lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu | Ý kiến của tôi(tán thành/phản đối về nội dung tư liệu | | ..... | ........ | ........... | ................ |   *.*  .**Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **- HS tìm ý dựa vào sơ đồ trong sgk (tr.21)**  **- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**  - MB:  + Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.  + Nêu ý kiến của người viết về vấn đề cần bàn luận.  -TB:  + Giải thích:  ++ Từ ngữ, khái niệm:  ++ Ý nghĩa cả câu (nếu bàn về danh ngôn, tục ngữ):  + Bàn luận:  ++ Khẳng định ý kiến của người viết:  ++ Lí lẽ 1:  ++ Bằng chứng 1:  ++ Lí lẽ 2:  ++ Bằng chứng 2:  + Lật lại vấn đề:  ++ Ở chiều hướng ngược lại, cần bổ dung gì cho ý kiến của người viết hay không?  ++ Vấn đề có ngoại lệ không?  ++ Những ý kiến trái chiều người viết cần trao đổi trong bài viết.   * KB:   + Khẳng định lại ý kiến  + Giải pháp, bài học nhận thức, phương hướng hành động của người viết.  **. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, cần chú ý các hướng dẫn trong sgk (tr.22)  ***Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm***  - - Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa bài văn dựa vào bảng kiểm.  - Tiếp tục chỉnh sửa nếu bài văn chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  - Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp. |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **BẢNG KIỂM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Phương diện | Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt | | Mở bài | Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận |  |  | | Nêu được ý kiến tán thành hay phản đối về vấn đề cần bàn luận |  |  | | Thân bài | Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của câu danh ngôn, tục ngữ (nếu có) |  |  | | Nêu được ít nhất hai lí lẽ thuyết phục, chặt chẽ để làm rõ ý kiến. |  |  | | Nêu được bằng chứng đa dạng, thuyết phục để củng cố cho lí lẽ. |  |  | | Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí. |  |  | | Lật lại vấn đề, bổ sung ý kiến để cách nhìn vấn đề thêm toàn diện |  |  | | Kết bài | Khẳng định lại ý kiến của mình |  |  | | Đề xuất giải pháp, bài học nhận thức và phương hướng hành động. |  |  | |   **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đề bài: Viết bài văn nghị luận bàn về sức mạnh của ý chí con người trong cuộc sống.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thức hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần ) | Đề bài: Viết bài văn nghị luận bàn về sức mạnh của ý chí con người trong cuộc sống.  **. Bước 1: Chuẩn bị**  Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài:   * **Dạng bài:** nghị luận về một vấn đề trong đời sống. * **Về nội dung:** bàn về sức mạnh của ý chí con người trong cuộc sống. * **Về thao tác lập luận:** giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận. * **Về phạm vi dẫn chứng:**   + Gương người thực, việc thực trong đời sống.  + Lấy từ các tác phẩm văn học (các nhân vật văn học)  + Những tấm gương được ca ngợi trên sách, báo, phương tiện thông tin đại chúng.  *Mở bài*:  - Giới thiệu vấn đề cần bàn luận:sức mạnh của ý chí con người trong cuộc sống .  - Thể hiện ý kiến tán thành của người viết về vấn đề nghị luận  *Thân bài*: Triển khai vấn đề cần nghị luận:  - Giải thích khái niệm ý chí con người là phẩm chất tinh thần của một con người, một cộng đồng, một dân tộc, thể hiện quyết tâm cao, không lùi bước trước khó khăn gian khổ nhằm đạt bằng được mục tiêu đã đề ra.  + +Nêu lên những biểu hiện cụ thể của ý chí con người: ý chí của con người được thể hiện qua suy nghĩ, tình cảm và đặc biệt là qua các hành động, việc làm.   * Bàn luận:   + Nêu lên ý kiến: Ý chí có vai trò quan trọng, là sức mạnh to lớn trong cuộc sống của mỗi con người   * Lí lẽ 1: Ý chí mạnh mẽ, kiên cường có sức mạnh vô cùng to lớn, giúp mỗi người, mỗi tập thể, mỗi quốc gia vượt qua những thử thách khó khăn để đạt được mục tiêu, mơ ước của mình. * Lí lẽ 2: Với ý chí và nghị lực phi thường, những con người không may mắn vẫn phấn đấu vươn lên sống hạnh phúc, trở thành người có ích, truyền cảm hứng cho cộng đồng. * Lí lẽ 3: Bằng ý chí mạnh mẽ, ta sẽ làm chủ được bản thân, không bị sa ngã trước những cám dỗ cuộc đời; giúp con người suy nghĩ đúng đắn và tích cực hơn. * Bằng chứng: HS khi đưa ra lí lẽ cần kết hợp với các dẫn chứng cụ thể để chứng minh: có thể lấy ví dụ về những người đã vượt qua khó khăn, chiến thắng số phận nhờ ý chí mạnh mẽ ở nhiều lĩnh vực khác nhau như Nick Vujicic, Nguyễn Ngọc Ký, Helen Keller… Cũng có thể lấy dẫn chứng về các nhân vật trong các tác phẩm văn học.   - Lật lại vấn đề   * Đề cao vai trò của ý chí trong cuộc sống và phê phán biểu hiện thiếu ý chí (Có những người sống không có mục tiêu, ước mơ, hoài bão, không biết vươn lên, phó mặc cho số phận. Lại có những người lười biếng, dễ nản chí, bỏ cuộc khi gặp khó khăn).   *Kết bài*:   * Khẳng định và đánh giá khái quát lại vấn đề đã bàn luận: sự cần thiết phải có ý chí trong cuộc sống. * Đề xuất giải pháp: để có ý chí cần vạch rõ mục tiêu, biết làm chủ cảm xúc, đọc nhiều câu chuyện về ý chí,... | | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Từ bài viết đã hoàn thành trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  *(1) Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.*  *(2) Chọn một đề tài khác để viết bài mới và công bố.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS về nhà thực hiện một trong hai nhiệm vụ trên và công bố bà viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang của lớp, …  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến các bạn khác trong lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố. | | Bài viết đã được công bố của HS. HS có thể công bố bài viết trên nhóm của lớp, … | |

**Tiết: 83,84**

**NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | | |
| **Bước  1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV hỏi HS:  *+ Đã bao giờ em bày tỏ quan điểm của mình trước đám đông chưa?*  *+ Nêu nhanh những vấn đề trong đời sống mà các em quan tâm hiện nay.*  *+ Nếu bây giờ được trình bày cho cả lớp nghe về một vấn đề trong đời sống mà mọi người đang quan tâm, theo em, em cần chuẩn bị những gì*?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi. * GV động viên   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * GV gọi 1số HS phát biểu, chia sẻ ý kiến. * HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.   **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV nhận xét chung về ưu và nhược điểm của HS và dẫn dắt vào nội dung tiết học nói và nghe: *Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.* | | - HS xem chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân. |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1:GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống?*  *+ Theo em, trong bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống, người nói nên xưng ở ngôi thứ mấy?*  *+ Bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống cần chú ý những yêu cầu nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo  câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Giáo viên quan sát, nhận xét.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  ? **Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  - Em dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào?    **? Hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình vấn đề 01.**  (Dựa vào cách tìm ý và lập dàn ý của nội dung Viết đã học tiết trước).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.  - Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể tập thuyết trình trước bằng cách:  + Đứng trước gương để tập thuyết trình (nếu chuẩn bị ở nhà)    Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  Em có thể  nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.  + Tập thuyết trình bài nói cho bạn bên cạnh nghe, góp ý lẫn nhau.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**    **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác.  Một số HS trình bày bài thuyết trình trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào **bảng kiểm đánh giá bài nói** cho bạn (mẫu phía trên)     * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | | **I. Tìm hiểu chung về bài trình bày về một vấn đề trong đời sống**  **1**. **Định nghĩa**: *Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống* là trình bày bằng lời nói trước người nghe những ý kiến (nhận xét, đánh giá, bàn luận,…) về một vấn đề trong đời sống.  **2. Yêu cầu chung:** Để trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống các em cần:  - Lựa chọn vấn đề thuyết trình.  - Xác định thời lượng thuyết trình và đối tượng người nghe để lựa chọn nội dung và cách trình bày phù hợp.  - Chuẩn bị dàn ý bài thuyết trình và các tư liệu, tranh ảnh, thiết bị hỗ trợ (nếu có).  **-** Sử dụng ngôn ngữ kết hợp nét mặt, ánh mắt, giọng điệu,… phù hợp với nội dung bài thuyết trình.  **II. Thực hành nói - nghe**  ***Đề bài***:  + **Tổ 1, 2:** Chuẩn bị vấn đề 1: Suy nghĩ của em về vấn đề nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác.  + **Tổ 3, 4:** Chuẩn bị vấn đề 2: Làm thế nào để con người vượt lên số phận của chính mình trong cuộc sống.  **Bước 1. Chuẩn bị**  **-** Vấn đề thuyết trình: suy nghĩ về vấn đề nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác.  - Mục đích: Bàn luận, bày tỏ ý kiến về vấn đề nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác.  - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp.  - Không gian: lớp học  - Thời gian: khoảng 3- 5 phút  - Hinh thức thuyết trình:lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê,.. (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với nội dung thuyết trình.  **Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý**  \***Tìm ý** bằng cách trả lời các câu hỏi:  - Thế nào là nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác? Hai hành vi này có quan hệ như thế nào với nhau?  - Hành vi nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác là tích cực hay tiêu cực?  - Nguyên nhân, mục đích của việc nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác?  - Hệ quả của việc nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác? Hành vi nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác .  **Lập dàn ý** cho bài trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống đã xác định (vấn đề 1):  - **Mở đầu**: Giới thiệu vấn đề thuyết trình: vấn đề nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác.  Ví dụ: Không ai có thể đi đến thành công mà không qua những sai lầm. Sai lầm, lỗi lầm là điều tất yếu trong cuộc sống. Thế nhưng, khi xảy ra lỗi lầm, bên cạnh những người  dám nhận lấy lỗi để sữa chữa, khắc phục vẫn còn có nhiều người chỉ biết đổ lỗi cho người khác.  - **Nội dung chính:** Thuyết trình tuần tự nội dung một cách hợp lí:  + Giải thích khái niệm nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác:   * “Nhận lỗi” là hành động dám nhìn thẳng vào lỗi lầm của bản thân, nhận về phần mình trách nhiệm trước sai sót của mình một cách chân thành để mong mọi người tha thứ. Đây là một hành động đáng khen, biểu hiện của con người tử tế, có tự trọng và trách nhiệm. * “Đổ lỗi” là hành vi con người cố tình chối bỏ lỗi lầm của mình, hoặc viện cớ do lí do khách quan, hoặc đổ tội cho người khác. Đây là hành vi đáng buồn, đáng lên án của những kẻ có tâm địa nhỏ nhen, hèn hạ.   + Nguyên nhân, mục đích của hành vị:   * “Nhận lỗi” là khi ta nhận ra lỗi lầm của mình trong hành vi, lời nói nhằm mục đích mong muốn người khác bao dung, tha thứ cho lỗi lầm của ta; nhằm không làm cho sự việc thêm xấu đi,làm cho mối quan hệ thêm rạn nứt. * “Đổ lỗi” cho người khác là do ích kỉ, muốn thoái thác trách nhiệm; do con người hèn nhát, không dám đối mặt với lỗi lầm của mình; do tâm lí hiếu thắng, cho mình là nhất, cái tôi quá lớn, bệnh sĩ diện, sợ bị tai tiếng, sợ mất chức, mất quyền, … nên đùn đẩy trách nhiệm lên người khác khi mình gây ra sai lầm.   + Hệ quả của hành vi nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác: Đây là 2 cách ứng xử đối lập nhau khi cùng đối mặt với lỗi lầm, sự yếu kém của bản thân. Mỗi cách ứng xử sẽ khiến người khác có cách đánh giá về phẩm chất, tính cách của bạn:   * Biết nhận lỗi và xin lỗi sẽ giúp bạn đẹp hơn trong mắt người khác, được mọi người tôn trọng, yêu mến. Đa số mọi người khi nhận được lời xin lỗi sẽ sẵn lòng tha thứ cho bạn nếu bạn thực tâm nhận lỗi vì “đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh kẻ chạy lại”, từ đó giúp bạn duy trì được mối quan hệ tốt đẹp với mọi người. Sẵn sàng nhận lỗi và quyết tâm khắc phục lỗi lầm là cách để mỗi người tu dưỡng đạo đức, tư cách, làm cho bản thân ngày một tốt đẹp hơn * Cố tình đổ lỗi cho người khác sẽ khiến người khác nhìn bạn bằng con mắt khinh thường và xa lánh.   - **Kết thúc:** Nêu vấn đề em quan tâm, cần thảo luận và bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe.   * Một người người có văn hóa, thì ắt phải có cách ứng xử tốt đẹp. Biết nhận lỗi và tìm mọi cách sửa lỗi mới là người tử tế, người có văn hóa. * Cần phê phán và lên án những kẻ gây ra lỗi lầm, hèn hạ không dám nhận lỗi, chỉ biết đổ lỗi cho người khác.   Hãy tu dưỡng đạo đức, nhân cách để trở thành người tử tế, hãy sống đẹp, sống đàng hoàng trước đồng loại.  **Bước 3: Thực hành nói và nghe**  **\*Thuyết trình vấn đề 1: Suy nghĩ về vấn đề nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác.**  **\*Yêu cầu chung:**  **- Người nói:**  + Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị.  + Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…); đảm bảo thời gian quy định.  + Đảm bảo sự thống nhất giữa giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,…  + Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có)  **- Người nghe:**  + Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm.  +Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  + Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình. |
| **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:** | | | + Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa? |  | | + Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không? |  | | + Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào? |  | | * **Đánh giá chung:** | | | + Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì? |  | | + Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó? |  |   **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ.  *Suy nghĩ của em về đạo lí "Uống nước nhớ nguồn"*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thảo luận, thực hiện**  - Hs thực hiện ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS nộp sp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV thu nhập sản phẩm của HS qua mail hoặc zalo.  - Gv nhận xét ưu, khuyết bài của HS. | - Hs quay video bài nói, thiết kế infographic gửi cho giáo viên. | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ: (GV)**  HS hoàn thành bài nói  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, tìm ý tưởng  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS chiếu các video  **Lưu ý:** có thể sử dụng thêm các hình ảnh (nếu cần).  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | |  |

**:**

**Tiết: 85**

**ÔN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trao đổi theo cặp bàn các câu hỏi GGK/tr.26  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi đại diện một số bàn báo cáo kết quả.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | - HS xem chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân. |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện yêu cầu:  **+ Nhóm 1,2**: Thảo luận các câu hỏi 1, 2.  + **Nhóm 3, 4**: Thảo luận các câu hỏi 3, 4, 5  **-Cá nhân tự trả lời** câu hỏi 6, 7  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **-**Hs tiến hành suy nghĩ, thảo luận.  **Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận.**  **Bước 4: Đánh giá sản phẩm bằng điểm. GV chốt kiến thức** | **Câu 1: Đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống:**  - Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng cần bàn luận.  - Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận.  - Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  **Câu 2:** Tóm tắt ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng và mục đích viết của ba văn bản nghị luận trình bày ý kiến về vấn đề đời sống đã học:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Văn bản | Ý kiến | Lí lẽ và bằng chứng | Mục đích viết | | Tự học – một thú vui bổ ích | -Ý kiến 1; Thú tự học giống thú đi bộ.  -Ý kiến 2: Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh thâm sâu.  -Ý kiến 3: Tự học là thú vui tao nhã giúp nâng tầm tâm hồn ta lên | -Lí lẽ 1.1. Tự học như một cuộc du lịch bằng trí óc, sách vở, khám phá thế giới mênh mông.  Lí lẽ 1.2. Tự học giúp người đọc hình thành tri thức một cách tự do.  -Bằng chứng 1.1: Biết được viên *Dạ Minh Châu,* khúc *Nghê thường vũ ý,* kiến thức côn trùng  -Lí lẽ 2.1: Việc đọc sách giúp ta cảm thấy được đồng cảm, an ủi.  -Bằng chứng 2.1: Bệnh nhân biết đock sách mau lành bệnh hơn; quá trình đọc sách của Mon-ti, Mông-te-xki-ơ.  -Lí lẽ 3.1: Tự học giúp ta tiến bộ, có thể cống hiến cho xã hội.  - Bằng chứng 3.1: Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề | Thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học. | | Bàn về đọc sách | -Ý kiến 1: Học vấn không chỉ là việc của toàn nhân loại.  Ý kiến 2: Sách vở tích lũy càng nhiều thì việc đọc sách ngày càng không dễ.  -Ý kiến 3:Đọc sách không cốt lấy nhiều, mà phải chọn cho tinh, cho kĩ | - Lí lẽ 1.1: Các thành quả của nhân loại đã được tích lũy từ lâu, nếu không tiếp thu ta sẽ bị tụt hậu.  - Bằng chứng 1.1: Học vấn, tri thức của nhân loại đều được lưu trữ trong sách vở, lưu truyền lại để không bị vùi lấp.  -Lí lẽ 2.1: Sách nhiều khiến ta đọc không chuyên sâu.  - Bằng chứng 2.1: Cách đọc hiệu quả của người xưa và người nay.  -Lí lẽ 2.2: Sách nhiều dễ khiến ta lệch hướng.  - Bằng chứng 2.2: Cách đọc tham số lượng mà không vì thực chất.  - Lí lẽ 3.1: Tự học giúp ta tiến bộ, có thể cống hiến cho xã hội.  - Bằng chứng 3.1: Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề | Thuyết phục người đọc về hai vấn đề: (1) Tầm quan trọng của việc đọc sách; (2) Sự cần thiết của việc đọc sâu, nghiền ngẫm kĩ khi đọc. | | Đừng từ bỏ cố gắng | -Ý kiến:Việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng | -Lí lẽ: Cuộc sống nhiều thăng trầm, thất bại là điều khó tránh khỏi nhưng ta cần nhận thức và rít ra bài học để biến thất bại thành đòn bẩy hướng đến thành công.  -Bằng chứng:  + Nhà bác học Thô-mát Ê-đi-sơn.  + Nich Vu-chi-xich.  + Gioóc E-li-ốt | Thuyết phục người đọc về sự cần thiết của việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng của mình. |   **Câu 3: Khi viết một bài văn thuyết minh về một vấn đề trong đời sống, ta cần chú ý:**   * Để bài văn mạch lạc, rõ ràng, cần những câu văn nêu rõ ý kiến và sử dụng từ ngữ có chức năng chuyển ý. * Có thể sử dụng các trích dẫn, danh ngôn để tăng sức thuyết phục cho bài viết. * Một lí lẽ chặt chẽ, hoàn chỉnh cần nêu được sơ sở và kết luận. Cơ sở chính là căn cứ để người viết đưa ra lí lẽ, thường mở đầu bằng cụm từ “bởi vì...”. Kết luận là điều suy ra được từ cơ sở, thường mở đầu bằng cụm từ “cho nên...”. * Khi triển khi bằng chứng, cần tránh sa đà vào kể, mà phải phân tích bằng chứng và chỉ ra được sự tương quan giữa bằng chứng và lí lẽ.   **Câu 4: Các bước phép liên kết đã học trong bài:**  + Phép lặp từ ngữ: lặp lại ở câu sau các từ ngữ đã có ở câu trước  + Phép thế: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước  + Phép nối: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước.  +Phép liên tưởng: sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.  **Câu 5:** Trong quá trình nói, cần lưu ý những điều sau đây khi bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe:  - Lắng nghe nhận xét, phản bác của người nghe một cách kĩ càng  - Cảm ơn ý kiến của người nghe.  . |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Nhiệm vụ 2: Lập bảng thống kê theo mẫu:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên yêu cầu HS đọc mở rộng VB nghị luận ngoài sgk ở nhà và thống kê các tác phẩm đã đọc theo mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** | | ……………… |  |  | | ……………… |  |  | | ……………… |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Tổ chức báo cáo sản phẩm vào tiết học thêm buổi chiều.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS. |  |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)  **Bài tập:** *Qua bài học trên, em rút ra kinh nghiệm gì trong hành trình tri thức của chính mình?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Cá nhân hoàn thành bài tập, thuyết trình trước lớp và thảo luận.  - GV khích lệ, giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Dự kiến sản phẩm của HS:**   * Hs đưa ra kinh nghiệm trong hành trình tri thức của bản thân. * Kinh nghiệm rút ra được sau khi học bài học 6. * Kế hoạch hoàn thiện bản thân trong tương lai.   **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.  - Cho điểm hoặc phát thưởng.  1. Tìm đọc mở rộng các văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  2. Tự giả định tình huống cần thuyết phục mọi người về một vấn đề trong đời sống.  3. Tham khảo các sách, tài liệu hướng dẫn kĩ năng viết bài luận cũng như kĩ năng thuyết trình để rèn luyện, nâng cao năng lực giao tiếp ngôn ngữ của bản thân.  4. Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học được từ bài học vào việc tham gia tổ chức các hoạt động ở trường và địa phương nơi em sinh sống. |  |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

-

- Hoàn thành và xem lại các bài tập.

- Chuẩn bị bài: Bài 7: Trí tuệ dân gian.